TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Quyên.

2. Bà Lương Thị Anh Đào.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28-02-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim Y, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện T, tỉnh Đồng T.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Trần Thị Kim Y trình bày: Vào năm 2012, chị Y và anh H có tổ chức đám cưới sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay chị Y và anh H không đăng ký kết hôn. Trong thời gian

chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Quốc An, sinh ngày 20-3-2013 và Trần Thị Trúc Linh, sinh ngày 11-7-2015 hiện cháu An và cháu Linh đang sống chung với chị Y).

Thời gian đầu chung sống thì có hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh H thường xuyên đi uống rượu không lo cho vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình, khi anh H đi uống rượu về còn có thái độ hành hung, nhiều lần anh H xúc phạm đến chị Y, từ đó dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc như trước. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được nữa. Vì vậy, chị Y yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp giải quyết những vấn đề sau đối với anh H:

- Về hôn nhân: Chị Y yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn H.

- Về con chung: Chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và chị Y không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời trình bày của anh Trương Văn H: Vào năm 2012, anh H và chị Y có tổ chức đám cưới sống chung với nhau cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống thì vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày nhưng nay chị Y yêu cầu ly hôn với anh H thì anh thống nhất. Về con chung: anh H thừa nhận anh và chị Y có 02 con chung tên tên là Trần Quốc An, sinh ngày 20-3-2013 và Trần Thị Trúc Linh, sinh ngày 11-7-2015 (hiện cháu An và cháu Linh đang sống chung với chị Y). Anh H thống nhất cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng và anh không tự nguyện cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Y và anh H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2012 cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn được sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 05-12-2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

..."

Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

"...

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con chung và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này."

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Y và anh H có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vì vậy, tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Kim Y và anh Trương Văn H quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Y và anh H đều thừa nhận trong thời gian sống chung với nhau như vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quốc An, sinh ngày 20-3-2013 và Trần Thị Trúc Linh, sinh ngày 11-7-2015 (hiện cháu An và cháu Linh đang sống chung với chị Y). Chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Anh H cũng thống nhất cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng cháu Quốc An và cháu Trúc Linh. Anh H không tự nguyện cấp dưỡng cho con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự cho chị Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng chị Y không có yêu cầu, anh H không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Y phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh H không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các điều 9, 14, 15, 16, 51, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Kim Y và anh Trương Văn H là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận giữa chị Trần Thị Kim Y và anh Trương Văn H như sau: Chị Y được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên là Trần Quốc An, sinh ngày 20-3-2013 và Trần Thị Trúc Linh, sinh ngày 11-7-2015 (hiện cháu An và cháu Linh đang sống chung với chị Y). Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng chị Y không có yêu cầu, anh H không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Kim Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Y đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BH/2017/0008431 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Như vậy, chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trương Văn H không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-02-2020).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND xã Bình Phú, huyện Tân Hồng;
- UBND xã Tân Thành B, huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Cư